

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 1 – Nhóm HP 23400810
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123060180	Huỳnh Tuấn	An	23/08/2005	Điện tử công nghiệp A	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
2	2123060211	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/12/2005	Điện tử công nghiệp A	10.0	5.0	5.0	6.3	
3	2123150100	Mao Văn	Cao	31/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	10.0	5.0	5.0	6.3	
4	2123290018	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/04/2005	Thiết kế thời trang A	8.0	7.0	5.0	6.3	
5	2123150044	Lê Đình	Chương	15/05/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	7.0	5.0	6.8	
6	2123060012	Nguyễn Văn	Công	03/12/2005	Điện tử công nghiệp A	10.0	9.0	8.0	8.8	
7	2123230028	Hoàng Mạnh	Cường	17/09/2005	Điện tử truyền thông	10.0	9.0	10.0	9.8	
8	2123150074	Vũ Huy	Đà	23/03/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	10.0	7.0	7.0	7.8	
9	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến	Đạt	05/02/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	7.0	5.0	6.8	
10	2123230029	Nguyễn Thành	Đạt	28/07/2005	Điện tử truyền thông	10.0	7.0	7.0	7.8	
11	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát	Đạt	28/08/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	10.0	5.0	5.0	6.3	
12	2123150054	Trần Thành	Đạt	19/05/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	7.0	5.0	6.8	
13	2123060119	Huỳnh Văn	Đức	07/03/2005	Điện tử công nghiệp A	10.0	7.0	5.0	6.8	
14	2123230011	Nguyễn Tấn	Dũng	11/10/2005	Điện tử truyền thông	10.0	9.0	8.0	8.8	
15	2123150075	Nguyễn Đức	Duy	08/07/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	8.0	8.0	5.0	6.5	
16	2123150036	Võ Hồ Bảo	Duy	14/06/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	10.0	7.0	10.0	9.3	
17	2123230017	Võ Khánh	Duy	08/07/2005	Điện tử truyền thông	10.0	7.0	7.0	7.8	
18	2123150082	Võ Tùng	Duy	24/04/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	5.0	6.0	5.0	5.3	
19	2123230021	Lê Phùng	Giáp	12/12/2004	Điện tử truyền thông	10.0	7.0	5.0	6.8	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
20	2123150020	Đoàn Hoàng	Hiệp	12/11/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	8.0	7.0	5.0	6.3	
21	2123060193	Đặng Cao	Hiếu	22/09/2004	Điện tử công nghiệp A	5.0	5.0	5.0	5.0	
22	2123150045	Nguyễn Đức	Hoà	07/09/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
23	2123150061	Nguyễn Nhất	Hòa	21/05/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	7.0	8.0	8.3	
24	2123150059	Nguyễn Minh	Hoàn	07/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	7.0	5.0	6.8	
25	2123060224	Phạm Việt	Hoàng	27/12/2005	Điện tử công nghiệp A	10.0	5.0	5.0	6.3	
26	2123150083	Nguyễn Xuân	Hùng	29/12/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	10.0	5.0	5.0	6.3	
27	2123150019	Lê Văn	Hung	13/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.0	5.0	5.0	5.0	
28	2123060173	Hoàng Lưu Tấn	Huy	04/04/2005	Điện tử công nghiệp A	10.0	7.0	5.0	6.8	
29	2123230009	Lê Huỳnh Quốc	Huy	06/09/2005	Điện tử truyền thông	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
30	2123150003	Phạm Duy	Khanh	07/05/2004	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.0	5.0	5.0	5.0	
31	2123060127	Đặng Anh	Khoa	15/08/2004	Điện tử công nghiệp A	10.0	7.0	10.0	9.3	
32	2123290007	Châu Trần Mỹ	Linh	05/10/2005	Thiết kế thời trang A	8.0	5.0	5.0	5.8	
33	2123150023	Tô Hữu	Lực	29/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.0	5.0	5.0	5.0	
34	2123290006	Võ Bùi Mai	Ly	09/04/2005	Thiết kế thời trang A	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
35	2123150070	Lê Hoài	Nam	05/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
36	2123060174	Phạm Hồ Xuân	Nghiên	06/09/2005	Điện tử công nghiệp A	5.0	5.0	5.0	5.0	
37	2123290010	Trần Thiện	Nhân	26/01/2005	Thiết kế thời trang A	10.0	5.0	5.0	6.3	
38	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	Thiết kế thời trang A	10.0	7.0	7.0	7.8	
39	2123290015	Huỳnh Thị Kim	Nhi	02/04/2005	Thiết kế thời trang A	10.0	5.0	5.0	6.3	
40	2121120505	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/10/2003	Quản trị KD tổng hợp O	5.0	5.0	5.0	5.0	
41	2123290001	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	18/11/2005	Thiết kế thời trang A	10.0	5.0	5.0	6.3	
42	2123150078	Huỳnh Văn	Phú	21/03/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	10.0	7.0	5.0	6.8	
43	2123060002	Hồ Hoàng	Phúc	12/03/2005	Điện tử công nghiệp A	10.0	7.0	5.0	6.8	
44	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	22/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	10.0	5.0	5.0	6.3	
45	2123290017	Trần Mai Bảo	Quyên	30/01/2005	Thiết kế thời trang A	10.0	5.0	5.0	6.3	
46	2123150027	Lê Văn	Quyên	01/01/2004	CNKT ĐK và tự động hóa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
47	2123060080	Lê Mạnh	Quỳnh	16/07/2005	Điện tử công nghiệp A	6.0	5.0	5.0	5.3	
48	2123290011	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/08/2005	Thiết kế thời trang A	8.0	5.0	5.0	5.8	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
49	2123150051	Huỳnh Tấn	Sanh	17/09/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
50	2123150016	Trần Ngọc	Thanh	29/12/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.0	7.0	5.0	5.8	
51	2123060201	Phạm Quang	Thành	08/12/2005	Điện tử công nghiệp A	5.0	5.0	5.0	5.0	
52	2122240103	Phan Vũ	Thành	20/12/2004	Tiếng Anh D	10.0	5.0	5.0	6.3	
53	2123150042	Trần Thanh	Thông	14/06/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
54	2123150039	Phạm Đình	Thuận	23/08/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.0	5.0	6.0	5.5	
55	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	10.0	5.0	5.0	6.3	
56	2123060214	Nguyễn Thành	Tín	26/09/2003	Điện tử công nghiệp A	10.0	10.0	8.0	9.0	
57	2122240015	Bùi Thị Kim	Tình	16/03/2004	Tiếng Anh A	10.0	7.0	10.0	9.3	
58	2123290009	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/04/2005	Thiết kế thời trang A	10.0	5.0	5.0	6.3	
59	2123150053	Nguyễn Hữu	Trí	20/04/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	7.0	7.0	7.8	
60	2123230033	Trần Trọng	Trí	22/02/2005	Điện tử truyền thông	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
61	2123150080	Đỗ Văn	Triều	16/09/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
62	2123150038	Trào Công	Trình	20/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.0	5.0	5.0	5.0	
63	2123290012	Phạm Thị Thanh	Trúc	03/11/2005	Thiết kế thời trang A	8.0	5.0	5.0	5.8	
64	2123150018	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	03/04/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
65	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	8.0	7.0	5.0	6.3	
66	2123290016	Mai Thị Hồng	Tươi	05/12/2005	Thiết kế thời trang A	6.0	5.0	5.0	5.3	
67	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tường	26/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
68	2123150048	Vũ Khắc	Tường	22/08/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	10.0	5.0	5.0	6.3	
69	2123290019	Võ Thành	Văn	05/09/2005	Thiết kế thời trang A	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
70	2123060013	Nguyễn Xuân	Vũ	06/12/2005	Điện tử công nghiệp A	10.0	5.0	5.0	6.3	

TP. HCM, Ngày 26 tháng 4 năm 2024

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 2 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 1 – Nhóm HP 23400810
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123060180	Huỳnh Tuấn	An	23/08/2005	Điện tử công nghiệp A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
2	2123060211	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/12/2005	Điện tử công nghiệp A	6.3	5.0	5,50	
3	2123150100	Mao Văn	Cao	31/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	6.3	8.0	7,30	
4	2123290018	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/04/2005	Thiết kế thời trang A	6.3	5.0	5,50	
5	2123150044	Lê Đình	Chương	15/05/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.8	8.0	7,50	
6	2123060012	Nguyễn Văn	Công	03/12/2005	Điện tử công nghiệp A	8.8	6.0	7,10	
7	2123230028	Hoàng Mạnh	Cường	17/09/2005	Điện tử truyền thông	9.8	6.0	7,50	
8	2123150074	Vũ Huy	Đà	23/03/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	7.8	10.0	9,10	
9	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến	Đạt	05/02/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.8	5.0	5,70	
10	2123230029	Nguyễn Thành	Đạt	28/07/2005	Điện tử truyền thông	7.8	5.0	6,10	
11	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát	Đạt	28/08/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	6.3	5.0	5,50	
12	2123150054	Trần Thành	Đạt	19/05/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.8	5.0	5,70	
13	2123060119	Huỳnh Văn	Đức	07/03/2005	Điện tử công nghiệp A	6.8	6.0	6,30	
14	2123230011	Nguyễn Tấn	Dũng	11/10/2005	Điện tử truyền thông	8.8	6.0	7,10	
15	2123150075	Nguyễn Đức	Duy	08/07/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	6.5	6.0	6,20	
16	2123150036	Võ Hồ Bảo	Duy	14/06/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	9.3	6.0	7,30	
17	2123230017	Võ Khánh	Duy	08/07/2005	Điện tử truyền thông	7.8	5.0	6,10	
18	2123150082	Võ Tùng	Duy	24/04/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	5.3	6.0	5,70	
19	2123230021	Lê Phùng	Giáp	12/12/2004	Điện tử truyền thông	6.8	6.0	6,30	
20	2123150020	Đoàn Hoàng	Hiệp	12/11/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	5.0	5,50	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2123060193	Đặng Cao	Hiếu	22/09/2004	Điện tử công nghiệp A	5.0	5.0	5,00	
22	2123150045	Nguyễn Đức	Hoà	07/09/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.3	5.0	5,50	
23	2123150061	Nguyễn Nhất	Hòa	21/05/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	8.3	6.0	6,90	
24	2123150059	Nguyễn Minh	Hoàn	07/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.8	5.0	5,70	
25	2123060224	Phạm Việt	Hoàng	27/12/2005	Điện tử công nghiệp A	6.3	8.0	7,30	
26	2123150083	Nguyễn Xuân	Hùng	29/12/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	6.3	6.0	6,10	
27	2123150019	Lê Văn	Hung	13/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.0	8.0	6,80	
28	2123060173	Hoàng Lưu Tấn	Huy	04/04/2005	Điện tử công nghiệp A	6.8	5.0	5,70	
29	2123230009	Lê Huỳnh Quốc	Huy	06/09/2005	Điện tử truyền thông	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
30	2123150003	Phạm Duy	Khanh	07/05/2004	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.0	6.0	5,60	
31	2123060127	Đặng Anh	Khoa	15/08/2004	Điện tử công nghiệp A	9.3	8.0	8,50	
32	2123290007	Châu Trần Mỹ	Linh	05/10/2005	Thiết kế thời trang A	5.8	8.0	7,10	
33	2123150023	Tô Hữu	Lực	29/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.0	8.0	6,80	
34	2123290006	Võ Bùi Mai	Ly	09/04/2005	Thiết kế thời trang A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
35	2123150070	Lê Hoài	Nam	05/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.0	5.0	5,00	
36	2123060174	Phạm Hồ Xuân	Nghiên	06/09/2005	Điện tử công nghiệp A	5.0	5.0	5,00	
37	2123290010	Trần Thiện	Nhân	26/01/2005	Thiết kế thời trang A	6.3	8.0	7,30	
38	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	Thiết kế thời trang A	7.8	6.0	6,70	
39	2123290015	Huỳnh Thị Kim	Nhi	02/04/2005	Thiết kế thời trang A	6.3	10.0	8,50	
40	2121120505	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/10/2003	Quản trị KD tổng hợp O	5.0	5.0	5,00	
41	2123290001	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	18/11/2005	Thiết kế thời trang A	6.3	5.0	5,50	
42	2123150078	Huỳnh Văn	Phú	21/03/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	6.8	6.0	6,30	
43	2123060002	Hồ Hoàng	Phúc	12/03/2005	Điện tử công nghiệp A	6.8	6.0	6,30	
44	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	22/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa C	6.3	6.0	6,10	
45	2123290017	Trần Mai Bảo	Quyên	30/01/2005	Thiết kế thời trang A	6.3	5.0	5,50	
46	2123150027	Lê Văn	Quyên	01/01/2004	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	6.0	6,10	
47	2123060080	Lê Mạnh	Quỳnh	16/07/2005	Điện tử công nghiệp A	5.3	5.0	5,10	
48	2123290011	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/08/2005	Thiết kế thời trang A	5.8	6.0	5,90	
49	2123150051	Huỳnh Tấn	Sanh	17/09/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	0.0	0.0	0,00	Nghĩ

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2123150016	Trần Ngọc	Thanh	29/12/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	5.8	10.0	8,30	
51	2123060201	Phạm Quang	Thành	08/12/2005	Điện tử công nghiệp A	5.0	5.0	5,00	
52	2122240103	Phan Vũ	Thành	20/12/2004	Tiếng Anh D	6.3	6.0	6,10	
53	2123150042	Trần Thanh	Thông	14/06/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.3	5.0	5,50	
54	2123150039	Phạm Đình	Thuận	23/08/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.5	5.0	5,20	
55	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	8.0	7,30	
56	2123060214	Nguyễn Thành	Tín	26/09/2003	Điện tử công nghiệp A	9.0	6.0	7,20	
57	2122240015	Bùi Thị Kim	Tình	16/03/2004	Tiếng Anh A	9.3	10.0	9,70	
58	2123290009	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/04/2005	Thiết kế thời trang A	6.3	5.0	5,50	
59	2123150053	Nguyễn Hữu	Trí	20/04/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	7.8	10.0	9,10	
60	2123230033	Trần Trọng	Trí	22/02/2005	Điện tử truyền thông	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
61	2123150080	Đỗ Văn	Triều	16/09/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.0	6.0	5,60	
62	2123150038	Trào Công	Trình	20/10/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	5.0	6.0	5,60	
63	2123290012	Phạm Thị Thanh	Trúc	03/11/2005	Thiết kế thời trang A	5.8	6.0	5,90	
64	2123150018	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	03/04/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
65	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CNKT ĐK và tự động hóa A	6.3	5.0	5,50	
66	2123290016	Mai Thị Hồng	Tươi	05/12/2005	Thiết kế thời trang A	5.3	8.0	6,90	
67	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tường	26/01/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.3	8.0	7,30	
68	2123150048	Vũ Khắc	Tường	22/08/2005	CNKT ĐK và tự động hóa B	6.3	6.0	6,10	
69	2123290019	Võ Thành	Văn	05/09/2005	Thiết kế thời trang A	0.0	0.0	0,00	Nghĩ
70	2123060013	Nguyễn Xuân	Vũ	06/12/2005	Điện tử công nghiệp A	6.3	8.0	7,30	

TP. HCM, Ngày 26 tháng 4 năm 2024

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình